

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 133

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh canh nấu tôm khô, bầu, củ cải, hạt cà ri, xà lách búp, rau răm
- Uống sữa Netsure☐
Trưa:
CS1: Cơm trắng
Mặn: Đùi gà chiên sốt me, tỏi, hành lá
Canh: Bí đỏ nấu thịt bò, hành lá, ngò rí
Luộc: Cà rốt, su su
CS2: Buffet trưa
- Cơm nắm rau củ (cà rốt, bắp mỹ, đậu cove xanh)
- Đùi gà + thịt gà xốt me, tỏi
- Trứng cuộn rau củ (Bông cải xanh, cà rốt, củ sắn)
- Súp tôm tươi (bắp mỹ, bí đỏ, bột năng, trứng gà)
- Cà rốt, su su luộc
Xế: CS1 Bánh flan - CS2: Dưa hấu, Nước mát
Xế chiều: Cháo thịt băm, đậu đỏ, khoai lang, nắm đùi gà, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cá m...)	1,700	6,280	106,760
2	0494	Đường cát	2,700	3,880	104,760
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
4	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
5	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
6	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,200	3,050	36,600
7	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
8	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
9	N0753	Bánh canh	5,600	2,860	160,160
10	N0861	Dầu màu điều	90	42,900	38,610
11	0426	Tôm khô	250	78,100	195,250
12	0083	Bầu	700	4,730	33,110
13	0103	Củ cải trắng	600	3,150	18,900
14	0170	Rau răm	90	5,150	4,635
15	0172	Rau xà lách	400	9,140	36,560
16	N0781	Đậu đỏ	250	7,880	19,700
17	0031	Khoai lang	800	4,200	33,600
18	0635	Nắm đùi gà	300	11,450	34,350
19	N0770	Thịt nạc dăm	2,000	17,850	357,000

20	0004	Gạo tẻ máy	9,200	2,560	235,520
21	0120	Hành lá (hành hoa)	400	8,400	33,600
22	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
23	0649	Bột năng	600	4,675	28,050
24	0007	Ngô bắp tươi	600	4,200	25,200
25	0085	Bí đỏ (bí ngô)	2,600	4,520	117,520
26	0089	Cà rốt	1,600	5,670	90,720
27	0180	Su su	600	4,100	24,600
28	0052	Đậu cô ve (hạt)	200	9,140	18,280
29	0147	Quả me chua	350	4,940	17,290
30	0223	Dưa hấu	1,700	2,310	39,270
31	N0909	Nước sâm	1,600	2,630	42,080
32	0370	Thịt gà công nghiệp (đùi)	9,500	14,390	1,367,050
33	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	300	9,770	29,310
34	0027	Củ sắn (khoai mì)	300	2,520	7,560
35	0443	Trứng vịt	1,760	6,750	118,800
36	0457	Sữa bột toàn phần	3,639.51	20,500	746,100
37	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	2,336	14,750	344,560
38	0286	Thịt bò loại II	800	36,750	294,000
Tổng chợ					4,921,000

Tổng tiền thực phẩm	4,921,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,921,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	110,186,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	110,185,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan